

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi bổ sung một số Điều trong Quy chế đào tạo hệ Đại học chính quy theo học chế tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT

Căn cứ Quyết định số 208/2006/QĐ-TTg ngày 08/9/2006 của Thủ tướng chính phủ cho phép thành lập Trường Đại học FPT;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học FPT được ban hành theo Quyết định số 02/QĐ-ĐHFPT ngày 01/10/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Trường Đại học FPT;

Căn cứ vào Quyết định số 09/QĐ-ĐHFPT ban hành ngày 06/01/2016 về việc ban hành lại Quy chế đào tạo hệ Đại học chính quy theo học chế tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường phòng Kiểm định và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi bổ sung một số điều trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 09/QĐ-ĐHFPT ban hành ngày 06/01/2016 như sau:

Bỏ quy định được phép Tạm ngừng học phần trong “Điều 12. Đăng ký học”, cụ thể điều 12 được sửa đổi như sau :

Điều 12. Đăng ký học

- Để chuẩn bị cho một học kỳ, sinh viên học theo chương trình của Trường bố trí, đăng ký các học phần tự chọn, đồng thời có thể đăng ký học thêm so với chương trình quy định nếu đáp ứng đủ điều kiện cần thiết. Tổng số học phần học trong một (01) học kỳ của từng sinh viên không được bố trí quá 1,5 lần tổng số học phần chuẩn quy định của học kỳ đấy.
- Thủ tục hành chính đăng ký học phần tự chọn, học phần học thêm cần được nộp chậm nhất 1 tuần trước khi học phần bắt đầu.
- Trường sẽ coi như sinh viên chủ động thôi học trong trường hợp sinh viên không đóng học phí trong thời hạn quy định và không làm thủ tục tạm ngừng (bảo lưu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ Học kỳ Summer 2016 và thay thế cho Quyết định số 09/QĐ-ĐHFPT ban hành ngày 06/01/2016 về việc sửa đổi bổ sung một số Điều trong Quy chế đào tạo hệ Đại học chính quy theo học chế tín chỉ.

Điều 3. Giám đốc khối Đào tạo Đại học, Giám đốc các cơ sở đào tạo, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Công nghệ, Trưởng ban Tuyển sinh và Công tác sinh viên, Trưởng ban Đào tạo và Phát triển chương trình, Trưởng ban Đảm bảo, Trưởng phòng Kế toán, Trưởng phòng Phát triển chương trình, Trưởng phòng Kiểm định và Đảm bảo chất lượng, Trưởng phòng Tổ chức và Quản lý đào tạo, Trưởng phòng Khảo thí, Trưởng phòng Công tác sinh viên và các bộ phận, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Ban Điều hành (để b/c);
- Phòng Khảo thí, TV, CNTT, HCTH;
- Lưu: VT, Ban TS&CTSV.



Dàm Quang Minh

QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 110/QĐ-ĐHFPT ngày 18 tháng 02 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học FPT)*

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.
2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học của Trường Đại học FPT (sau đây gọi tắt là Trường).

Điều 2. Sinh viên và khóa sinh viên

1. Sinh viên là người đáp ứng yêu cầu đầu vào và hoàn tất thủ tục nhập học đại học chính quy của Trường Đại học FPT. Mỗi sinh viên khi vào Trường được cấp một mã số riêng theo quy định của Trường.
2. Khóa sinh viên (gọi tắt là khóa) là thuật ngữ để chỉ nhóm sinh viên cùng một năm tuyển sinh và nhập học của Trường (không phụ thuộc ngành đào tạo). Một khóa được phân thành các khóa nhỏ, tùy theo trình độ tiếng Anh đầu vào của sinh viên.

Điều 3. Chương trình đào tạo bậc đại học

1. Chương trình đào tạo bậc đại học (Chương trình) của Trường được xây dựng trên cơ sở các chuẩn đào tạo đại học quốc tế, theo yêu cầu sử dụng nhân lực thực tế của cơ quan, doanh nghiệp và quy định về chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Mỗi Chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành).
2. Chương trình được cấu trúc thành 4 giai đoạn bao gồm:
 - a) Giai đoạn 1: rèn luyện tập trung và dự bị tiếng Anh ;
 - b) Giai đoạn 2: chuyên môn cơ bản và cơ sở ngành;
 - c) Giai đoạn 3: đào tạo trong môi trường thực tế (On-the-Job-Training (OJT));
 - d) Giai đoạn 4: chuyên môn nâng cao và chuyên ngành hẹp.
3. Chương trình được duyệt công bố đưa vào triển khai và điều chỉnh riêng cho từng ngành, từng khóa học. Các học phần trong Chương trình được sắp xếp theo trình tự nhất định vào từng học kỳ của khóa đào tạo – đây là trình tự mà Trường khuyến cáo sinh viên nên tuân theo để thuận lợi nhất cho việc tiếp thu kiến thức.

Điều 4. Thời gian học

1. Thời gian kế hoạch để hoàn thành chương trình đào tạo (không kể thời gian học tiếng Anh dự bị) là 8 học kỳ cộng với thời gian OJT (từ 4 đến 8 tháng).
2. Thời gian tối thiểu để hoàn thành chương trình đào tạo (không kể thời gian học tiếng Anh dự bị) là 3,5 năm, trung bình là 5 năm, và tối đa là 7 năm.

Điều 5. Học kỳ

1. Học kỳ là khoảng thời gian nhất định bao gồm một số tuần dành cho giảng dạy, học tập và đánh giá kiến thức (kiểm tra, thi, bảo vệ....). Một học kỳ tại Trường Đại học FPT kéo dài 15-16 tuần.
2. Một năm Trường có các học kỳ Fall, Spring và Summer.

Điều 6. Học phần

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ. Mỗi học phần được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do Trường quy định.
2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.
 - a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;
 - b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hẹp hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.
3. Trong Chương trình có một số học phần mà kết quả học phần không dùng để tính điểm trung bình học kỳ và trung bình tích lũy, nhưng sinh viên phải hoàn tất thì mới đủ điều kiện để bắt đầu học tập (ví dụ chứng chỉ tiếng Anh dự bị) hoặc để cấp bằng tốt nghiệp (Giáo dục quốc phòng, Rèn luyện tập trung, Giáo dục thể chất, OJT...). Các học phần này gọi tắt là học phần điều kiện. Trường sẽ cấp chứng chỉ công nhận các học phần điều kiện này cho sinh viên sau khi hoàn thành.

Điều 7. Tín chỉ

1. Tín chỉ là đơn vị quy chuẩn để lượng hóa khối lượng kiến thức và khối lượng học tập, giảng dạy trong quy trình đào tạo. Tín chỉ cũng là đơn vị được sử dụng để đo lường tiến độ học tập của sinh viên— đánh giá dựa trên số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy được.
2. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học trên lớp; 45 tiết thực tập (OJT); 45 tiết làm đồ án tốt nghiệp hoặc khóa luận trong học kỳ.

Để hoàn thành khối lượng kiến thức của 01 tín chỉ học trên lớp sinh viên cần tối thiểu 30 tiết chuẩn bị, tự học (ngoài giờ lên lớp). Một tiết học bằng 45-50 phút.

3. Tổng số tín chỉ tối đa của chương trình được xác định theo từng ngành đào tạo cụ thể.

Điều 8. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần hoặc do Trường quy định cho mỗi học kỳ, hoặc do sinh viên chủ động đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ với những môn tự chọn (gọi chung là tổng khối lượng học tập của học kỳ).
2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần (trừ các học phần điều kiện) mà sinh viên học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần học tại Trường đã được đánh giá từ 5 trở lên theo thang điểm 10 (và chuyển đổi sang thang điểm chữ, thang điểm 4 theo bảng quy đổi ở Điều 25, nếu cần) tính từ đầu khóa học.
4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình có trọng số của các học phần học tại Trường (trừ các học phần điều kiện) và được đánh giá từ 5 trở lên theo thang điểm 10 (và chuyển đổi sang thang điểm chữ, thang điểm 4 theo bảng thang điểm ở điều 25, nếu cần) mà sinh viên đã tích lũy được từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

CHƯƠNG II: TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 9. Chế độ đào tạo

Việc đào tạo tại Trường Đại học FPT thực hiện theo chế độ tín chỉ. Theo đó sinh viên học theo chương trình của Trường bố trí và chủ động đăng ký với những môn tự chọn.

Điều 10. Tổ chức lớp học

1. Số lượng sinh viên tối thiểu trong mỗi lớp học là 20 sinh viên và tối đa là 30 sinh viên.
2. Trong những trường hợp đặc biệt khác, Hiệu trưởng quyết định số lượng sinh viên/lớp.

Điều 11. Kế hoạch học tập

Đầu mỗi học kỳ, Trường sẽ thông báo Chương trình cho sinh viên học trong học kỳ, lịch học dự kiến, đề cương chi tiết và điều kiện để được tham dự từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

Điều 12. Đăng ký học

1. Để chuẩn bị cho một học kỳ, sinh viên học theo chương trình của Trường bố trí, đăng ký các học phần tự chọn, đồng thời có thể đăng ký học thêm so với chương trình quy định nếu đáp ứng đủ điều kiện cần thiết. Tổng số học phần học trong một (01) học kỳ của từng sinh viên không được bố trí quá 1,5 lần tổng số học phần chuẩn quy định của học kỳ đấy.
2. Thủ tục hành chính đăng ký học phần tự chọn, học phần học thêm cần được nộp chậm nhất 1 tuần trước khi học phần bắt đầu.
3. Trường sẽ coi như sinh viên chủ động thôi học trong trường hợp sinh viên không đóng học phí trong thời hạn quy định và không làm thủ tục tạm ngừng (bảo lưu).

Điều 13. Đăng ký học lại

1. Sinh viên có học phần bắt buộc không đạt vì bất cứ lý do gì phải đăng ký học lại học phần đó ngay trong học kỳ hoặc ở các học kỳ tiếp sau cho đến khi đạt đủ các yêu cầu của học phần đó.
2. Sinh viên có học phần tự chọn không đạt phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học phần tự chọn khác được quy định tương đương.
3. Sinh viên được phép đăng ký học lại học phần đã đạt để cải thiện điểm. Trong trường hợp này, kết quả đã đạt lần trước sẽ bị hủy bỏ.
4. Sinh viên được bố trí học lại tại thời điểm nào, sẽ phải học lại theo đề cương học phần được phê duyệt triển khai tại thời điểm đó. Trong các trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng quyết định học phần và đề cương học phần học lại.

Điều 14. Vắng mặt trong giờ học

1. Sinh viên không tham gia đủ thời lượng tối thiểu theo quy định của học phần vì bất cứ lý do gì không được dự thi cuối học phần và phải đăng ký học lại học phần đó.
2. Trong trường hợp sinh viên giai đoạn 4 đang làm việc, nếu không thể tham dự đủ thời lượng tối thiểu theo quy định của học phần thì cần nộp đơn đề nghị và Hợp đồng lao động hợp lệ trước khi học phần bắt đầu để được nhà trường xem xét.

Điều 15. Tạm ngừng (bảo lưu) học kỳ

1. Sinh viên được quyền tạm ngừng (bảo lưu) học theo học kỳ để giải quyết việc riêng hoặc để học lại các học phần chưa đạt và bảo lưu kết quả của các học kỳ trước. Thời gian cho 01 (một) lần tạm ngừng là 01 (một) học kỳ. Nếu có nhu cầu tiếp tục ngưng, sinh viên phải làm thủ tục đăng ký lại.
2. Sinh viên không được phép tạm ngừng quá 02 (hai) học kỳ liên tiếp.

3. Thủ tục hành chính để tạm ngừng (bảo lưu) học kỳ cần được nộp chậm nhất 1 tuần trước khi học kỳ mới bắt đầu. Lệ phí để làm thủ tục tạm ngừng được quy định trong quy định tài chính sinh viên

Điều 16. Tạm ngừng bắt buộc

1. Đình chỉ học tập do vi phạm kỷ luật.
Thời gian đình chỉ học được xác định theo quy định kỷ luật của Trường. Trong thời gian này, sinh viên tạm ngừng mọi hoạt động học tập tại Trường.
2. Các trường hợp tạm ngừng bắt buộc do Trường ra quyết định và sinh viên có trách nhiệm phải thực hiện.

Điều 17. Học phần chuyển đổi:

1. Sinh viên có thể đề nghị Trường xem xét công nhận học phần mà sinh viên đã đạt được tại cơ sở đào tạo khác là tương đương hoặc thay thế được về mặt yêu cầu, nội dung, khối lượng học tập của một học phần xác định trong chương trình đào tạo mà sinh viên đang theo học tại của Trường. Trong trường hợp này, Trường sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể và nếu được chấp nhận, kết quả học tập bên ngoài của sinh viên sẽ được tính là “đạt” và sinh viên được miễn học học phần tương đương tại Trường.
2. Số tín chỉ chuyển đổi tối đa với sinh viên chuyển từ trường khác sang ĐH FPT là 30%, với sinh viên chuyển ngành trong ĐH FPT là 70% - so với tổng số tín chỉ cần đạt để được xét tốt nghiệp
3. Điểm số bên ngoài của học phần này sẽ không được quy đổi để tính vào điểm trung bình học kỳ và trung bình tích lũy của sinh viên tại Trường.

Điều 18. Điều kiện chuyển giai đoạn

Sinh viên chỉ được chuyển sang giai đoạn sau của chương trình đào tạo khi đã hoàn thành các nhiệm vụ học tập chính được xác định cho giai đoạn trước đó. Cụ thể:

1. Điều kiện chuyển sang giai đoạn học chuyên môn:
 - Đạt trình độ tiếng Anh theo quy định cụ thể của trường.
2. Điều kiện chuyển sang giai đoạn OJT:
 - Hoàn thành tối thiểu 90% tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn (không bao gồm Giáo giục quốc phòng, Giáo dục thể chất) được nhà trường quy định trong giai đoạn trước OJT của chương trình giáo dục đại học theo ngành được đào tạo.
3. Điều kiện chuyển sang giai đoạn sau OJT:
 - Đạt chương trình OJT theo quy định cụ thể của trường.
4. Điều kiện tốt nghiệp:

- Như quy định trong quy chế Tốt nghiệp đại học chính quy của trường

Trường sẽ coi như sinh viên chủ động thôi học trong trường hợp sinh viên chưa đủ điều kiện để chuyển sang các giai đoạn tiếp theo hoặc chưa đủ điều kiện để tiếp tục học đi đối với Tiếng Anh dự bị từ học kỳ trước nhưng sang học kỳ sau không làm thủ tục tạm ngừng (bảo lưu) hoặc không đăng ký học lại học phần nào.

Điều 19. Điều kiện bị buộc thôi học

Sinh viên sẽ bị buộc thôi học nếu vi phạm một trong các điều sau:

- Vượt quá thời hạn tối đa được phép học tại Trường như quy định tại Điều 4 của Quy chế này.
- Vượt quá thời hạn tạm ngừng tối đa cho phép như quy định tại Điều 15 của Quy chế này.
- Không hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Trường.
- Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học theo quy định về các vi phạm và mức kỷ luật của Trường.

CHƯƠNG III: KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 20. Điều kiện thi học phần

1. Sinh viên chỉ được dự thi kỳ thi cuối học phần nếu đáp ứng điều kiện dự thi xác định trong đề cương học phần và các yêu cầu đặc thù (nếu có) do bộ môn quy định.
2. Căn cứ vào kết quả hoàn thành các bài tập và công việc được giao cũng như thái độ học tập, các sinh viên xuất sắc có thể được Trường cho phép miễn các kỳ thi giữa kỳ và cuối kỳ. Trong trường hợp này, điểm của sinh viên sẽ được tính là tối đa.

Điều 21. Đánh giá kết quả học phần

1. Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, ví dụ: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi cuối học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc.
2. Sinh viên được coi là đạt học phần khi đáp ứng tiêu chí hoàn thành học phần được quy định trong đề cương học phần.
3. Đánh giá trong quá trình là tập hợp của các bài kiểm tra, bài tập, bài thực hành, bài thi giữa kỳ... được tổ chức trong quá trình triển khai học phần. Phạm vi,

thời lượng và tính chất của các bài đánh giá trong quá trình được quy định cho từng học phần cụ thể trong Đề cương học phần.

4. Thi cuối học phần là tập hợp của các bài thi lý thuyết hoặc/và thực hành được tổ chức vào khi kết thúc học phần. Yêu cầu nội dung, thời lượng thi cuối học phần được quy định trong đề cương học phần. Cuối mỗi học phần triển khai đều tổ chức 2 lần thi cuối học phần. Sinh viên không dự thi cuối học phần lần 1, coi như bị điểm 0. Lần thi 2 dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi lần 1 hoặc chưa đủ điều kiện đạt học phần hoặc để cải thiện điểm.
5. Nếu sau thi cuối học phần lần 1, điểm thi hoặc điểm tổng kết học phần của sinh viên không đạt, sinh viên sẽ được phép thi lần 2.
6. Sinh viên đã đạt học phần có quyền đăng ký thi lần 2 để cải thiện điểm tổng kết học phần. Điểm thi lần 1 bị hủy. Điểm thi lần 2 là điểm thi cuối cùng.

Điều 22. Tổ chức đánh giá và thi

1. Các bài tập, bài kiểm tra, đánh giá trong quá trình do giảng viên đứng lớp và bộ môn tổ chức thực hiện. Trong trường hợp cần thiết, giảng viên và bộ môn có thể đề nghị khảo thí hỗ trợ, nhưng trách nhiệm chính thuộc về giảng viên và bộ môn.
2. Các bài thi giữa kỳ (nếu có) và thi cuối học phần do Khảo thí của Trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chung (chung đề, chung lịch) cho tất cả các lớp trong Trường. Việc ra đề thi và chấm thi được tiến hành không phụ thuộc vào giảng viên từng lớp.
3. Hình thức kiểm tra, thi của từng học phần (tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp hoặc bài tập, trên máy tính hay trên giấy) được quy định trong Kế hoạch triển khai học phần.

Điều 23. Phúc tra kết quả thi

1. Sinh viên có quyền phúc tra bài thi trong thời gian một tuần từ khi công bố kết quả. Nếu có thay đổi về điểm bài thi (lên hoặc xuống), sinh viên được điều chỉnh lại điểm bài thi. Kết quả phúc tra là kết quả cuối cùng.
2. Lệ phí xin phúc tra chỉ được hoàn lại cho sinh viên nếu kết quả sau khi phúc tra có thay đổi.

Điều 24. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

Trong quá trình học tập và thi cử, sinh viên vi phạm quy chế đào tạo đại học chính quy và nội quy kỳ thi sẽ bị xử lý theo quy định của Trường.

CHƯƠNG IV: ĐIỂM TRUNG BÌNH VÀ XẾP LOẠI HỌC TẬP

Điều 25. Thang điểm đánh giá

Điểm được cho theo thang điểm 10. Thang điểm chữ và thang điểm 4 chỉ mang tính chất tham khảo, chuyển đổi khi cần thiết.

Thang điểm chính thức hệ 10 cùng cách xếp loại kết quả học tập được quy định như sau:

Xếp loại		Thang điểm chính thức hệ 10	Thang điểm tham khảo	
			Điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt (tích lũy)	Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10,0	A+	4,0
	Giỏi	Từ 8,5 đến cận 9,0	A	3,75
		Từ 8,0 đến cận 8,5	A-	3,5
	Khá	Từ 7,5 đến cận 8,0	B+	3,25
		Từ 7,0 đến cận 7,5	B	3,0
	Trung bình khá	Từ 6,5 đến cận 7,0	B-	2,75
		Từ 6,0 đến cận 6,5	C+	2,5
	Trung bình	Từ 5,5 đến cận 6,0	C	2,25
		Từ 5,0 đến cận 5,5	C-	2,0
Không đạt	Không đạt	Dưới 5,0	F	0

Điều 26. Cách tính điểm trung bình

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi cuối học phần được quy đổi theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận và thi cuối phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm trung bình học kỳ hay điểm trung bình tích lũy được tính theo công thức như sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum a_i * n_i}{\sum n_i} \quad \text{với } i \text{ từ } 1 \text{ cho đến } m$$

Trong đó:

A là điểm trung bình học kỳ hoặc điểm trung bình tích lũy;

a_i là điểm tổng kết của học phần thứ i trong học kỳ hoặc tích lũy tại Trường từ khi học (không tính tiếng Anh dự bị, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, OJT);

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i ;

m là tổng số học phần của học kỳ hoặc số học phần đã tích lũy tại Trường (không tính tiếng anh dự bị, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, OJT).

4. Điểm học phần, điểm trung bình học kỳ hay điểm trung bình tích lũy được sử dụng để xét học bổng, các chế độ khen thưởng, xếp loại sinh viên, xét và xếp loại tốt nghiệp.

CHƯƠNG V: XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 27. Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp

1. Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp được coi là một học phần bắt buộc đối với tất cả sinh viên và có khối lượng không quá 10 tín chỉ.
2. Sinh viên có điểm Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp không đạt sẽ phải đăng ký làm lại Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp.

Điều 28. Chấm Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp

1. Sinh viên sau khi hoàn thành Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp sẽ trải qua một kỳ bảo vệ Đồ án/Khóa luận.
2. Việc chấm bảo vệ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp do Hội đồng bảo vệ tốt nghiệp của Trường do Hiệu trưởng quyết định thành lập đảm trách. Sinh viên có quyền đăng ký bảo vệ lần 2 sau lần bảo vệ đầu tiên do Trường tổ chức, nếu Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp không đạt hoặc muốn cải thiện điểm. Thời gian tối thiểu giữa 2 lần bảo vệ là 1 tháng và điểm bảo vệ cuối cùng sẽ được tính bằng 80% điểm bảo vệ lần thứ 2.
3. Điểm của Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình tích lũy cho toàn khóa học.

Điều 29. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Sinh viên đáp ứng đủ các điều kiện sau thì được xét công nhận tốt nghiệp:

1. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
2. Có các chứng chỉ hoàn thành Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và OJT;
3. Hoàn thành đủ khối lượng tín chỉ tích lũy quy định trong chương trình đào tạo và có điểm trung bình tích lũy (với các học phần tại Trường) đạt từ 5 trở lên.
4. Hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà trường như: tài chính, thư viện, hồ sơ...

Điều 30. Xếp loại bằng tốt nghiệp

1. Xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình tích lũy tính theo thang điểm 10 (điều 25) của toàn khóa học như sau:
 - ✓ Loại Xuất sắc đạt điểm trung bình tích lũy từ 9,0 trở lên.

- ✓ Loại Giỏi đạt điểm trung bình tích lũy từ 8,0 đến cận 9,0.
 - ✓ Loại Khá đạt điểm trung bình tích lũy từ 7,0 đến cận 8,0.
 - ✓ Loại Trung bình khá đạt điểm trung bình tích lũy từ 6,0 đến cận 7,0.
 - ✓ Loại Trung bình đạt điểm trung bình tích lũy từ 5,0 đến cận 6,0.
2. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học và đạt tại Trường.
 3. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu bị kỷ luật từ mức cảnh cáo cấp trường trở lên trong thời gian học

CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 6 chương, 31 điều được áp dụng cho sinh viên đại học chính quy tất cả các ngành đào tạo tại Trường Đại học FPT. Việc thay đổi nội dung trong Quy chế này do Hiệu trưởng quyết định.